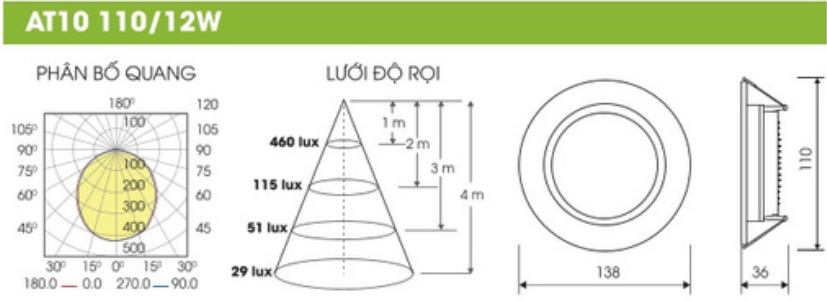
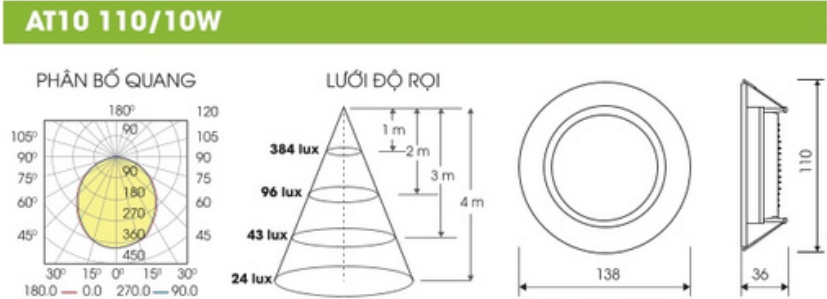
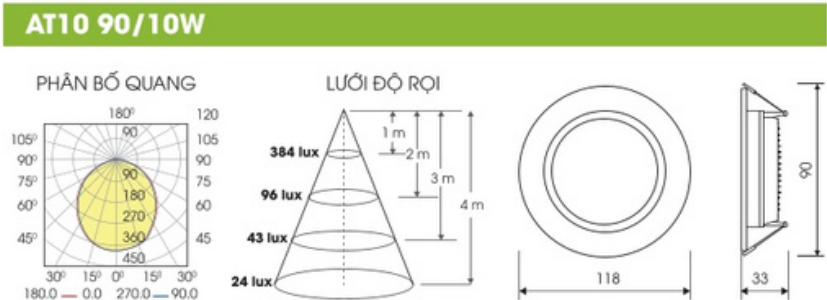
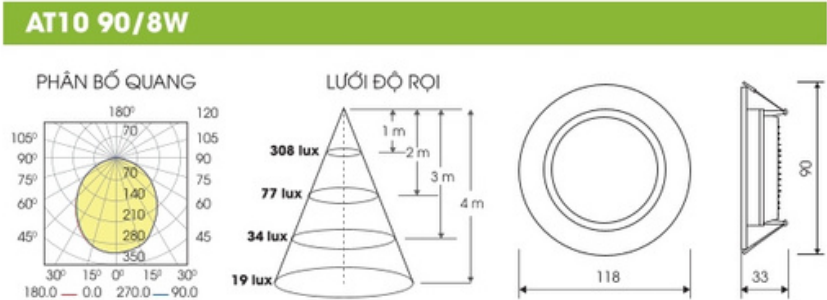


ĐÈN LED DOWNLIGHT AT10



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 90/8W	8	150÷250	0.5	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT10 90/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT10 110/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110
AT10 110/12W	9	150 ÷ 250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110